

Chương 1

BÁC HỒ VỚI VẤN ĐỀ CỘI NGUỒN DÂN TỘC, TỔ TIÊN

Đời người ai cũng gắn liền với mảnh đất nơi mình sinh ra và lớn lên, nhận ở đó bao nhiêu là tình cảm yêu thương và mạch nguồn của sự sống. Mảnh đất đó đi theo đời người, lớn lên, nảy nở và đơm hoa kết trái. Mảnh đất đó sinh thành và phát triển, theo thời gian, hun đúc, trưởng dưỡng, làm nên sức sống của cội nguồn dân tộc, tổ tiên, đồng bào, dòng họ và gia đình. Mảnh đất đó được gọi là quê cha đất tổ của mỗi người, mỗi dòng họ. Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành cũng có một miền quê cha đất tổ thấm đậm yêu thương và tràn trề nhựa sống, giúp người lớn lên mạnh khỏe, thông minh và dạt dào lý tưởng.

1.1. Tổ tiên nơi quê cha đất tổ

Quê cha đất tổ là nơi mà cho dù ta có đi đâu, làm gì thì vẫn là nơi để nhớ, để yêu thương và trở về. Đó là nơi lưu dấu cội nguồn của dân tộc; là miền đất của tổ tiên, ông cha đã gìn giữ từ bao thế hệ; là nơi con người khôn lớn; là nơi hun đúc những tình cảm cao đẹp, những giá trị văn hoá, đạo đức cao cả,... Chính vì vậy, khi phải rời xa quê hương, rời xa quê cha đất tổ, ai cũng muốn có ngày được trở về nơi ta đã được thừa hưởng truyền thống vẻ vang của tiên tổ, nơi ta đã được sinh ra và nuôi lớn. Có lẽ chính từ ý nghĩa thiêng liêng đó cùng với quá trình nửa cuộc đời bôn ba khắp thế giới để tìm đường cứu nước, Bác Hồ kính yêu càng thấm thía tình yêu quê hương đất nước, yêu quê cha đất tổ.

Lúc còn ấu thơ, cảm nhận sâu sắc về hoàn cảnh gieo neo, thiếu thốn của gia đình mình, sự khốn khổ của đồng bào dưới ách cai trị của thực dân và phong kiến, Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành càng thấu hiểu được nỗi bi thương của đất nước. Người nhận ra rằng đất nước chính là cái nôi của cội nguồn dân tộc, của quê hương, của quê cha đất tổ. Quê hương bây giờ với Người không chỉ bó hẹp trong một ngôi làng, một xóm nhỏ mà được mở rộng trên không gian của dải đất hình chữ S.

Trên đường vào Nam tìm đường cứu nước, dừng lại ở trường Dục Thanh với vai trò là thầy giáo, ngoài giờ dạy học, thầy giáo Nguyễn Tất Thành còn cho các em học sinh đi thăm danh lam thắng cảnh và các khu di tích ở địa phương: làng Thiêng, cồn Trà, đình làng Đức Nghĩa, bãi Thương Chánh,... để giáo dục các em lòng yêu quê

hương, yêu đất nước. “Với trường Dục Thanh, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã để lại một dấu ấn tuyệt đẹp về tác phong và hoạt động giáo dục sáng tạo của mình” (Võ Văn Lộc, *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục*, NXB Chính trị quốc gia 2011, tr. 10). Trường Dục Thanh nằm trong khu đất nhà cụ Nguyễn Thông, sau vườn nhà cụ cũng có một hồ sen giống như làng Sen quê Bác. Vào những đêm khuya vắng lặng, hương sen toả thơm man mác làm Nguyễn Tất Thành xốn xang suy nghĩ. Anh không khỏi phân vân lo lắng vì chưa làm tròn chữ hiếu với cha, nhưng anh cũng tin rằng, người cha kính yêu của anh – một con người không màng danh lợi – sẽ hiểu và tha thứ cho anh.

Mùa xuân năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời trường Dục Thanh tiến về xứ “Nam Kỳ trực trị” để tìm đường ra nước ngoài. Khoảng tháng 6/1911, anh được nhận vào làm phụ bếp trên tàu Armial Latouche Tréville dưới tên Văn Ba. Dẫu biết rằng hoài bão ra đi tìm đường cứu nước đã chất chứa, đã là niềm khao khát trong lòng anh từ rất lâu nhưng trước cái đêm đầu tiên xa nước, xa quê hương lòng anh không khỏi bùi ngùi, xao động: nghĩ về gia đình, về cha, chị cả Thanh, anh Khiêm và bao người khác ở quê...

Ngày 5/6/1911, con tàu Armial Latouche Tréville kéo hồi còi dài, rời bến cảng Sài Gòn mang theo anh thợ phụ bếp Văn Ba. Trước giây phút giã từ đầy xúc động, chào tạm biệt đất nước, rời xa quê hương, anh Ba nhìn đắm đắm vào bờ như muốn khắc ghi lại những hình ảnh cuối cùng của quê hương, quê cha đất tổ.

Anh qua nước Pháp, châu Phi, các nước Trung Mỹ, Nam Mỹ, nước Mỹ, nước Anh,... Đi đến đâu anh cũng tìm hiểu về lịch sử, con người, tình hình ở đó. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra, anh đã chứng kiến hàng triệu người, cả ở chính quốc và thuộc địa bị điều động vào quân đội và các việc phục vụ cho quân đội. Trước tình hình thế giới đầy rối ren, anh cũng tích cực tham gia các hoạt động quốc tế: tham gia Đảng Xã hội Pháp, Quốc tế Cộng sản,... Đi sâu vào tìm hiểu đời sống con người ở khắp nơi trên thế giới, anh nhận ra rằng ở đâu cũng có người tốt, cũng có người yêu quê hương đất nước, yêu xứ sở.

Ngày 25/9/1935, nhân dịp dự Đại hội lần thứ VI Quốc tế Thanh niên, tại Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã trả lời nhà văn I. Êrenbua khi được hỏi về mùa xuân này: *“Tôi chỉ có một mong ước là sớm trở về tổ quốc tôi”*¹

Tháng 1/1941, sau 30 năm bôn ba khắp thế giới để tìm và nhận ra được con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc trở về nước. Giây phút đầu tiên đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc xiết bao xúc động. Sau này Bác kể lại: *“Bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động”*²

Đến khi đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, Người rất muốn trở về làng thăm quê, hàng xóm, bạn bè, bà con,... nhưng đành tạm gác lại chuyện riêng tư để lo cho vận mệnh đất nước, lo cho gia đình lớn nên “vì nước nên chưa nghĩ đến nhà”.

Chủ nhật, ngày 3/11/1946, tại Hà Nội, Bác đón anh cả Nguyễn Sinh Khiêm từ quê Nghệ An ra thăm. Hai anh em gặp nhau mừng tủi, xúc động. Người đọc câu thơ:

Chốc đà mấy chục năm trời

Còn non, còn nước, còn người hôm nay.

Ông Khiêm đáp:

Thỏa lòng mong ước bấy nay

Nước non rợp bóng cờ bay đón Người.

Khi được hỏi:

– *Chú định đến khi nào về thăm quê nhà?*

Bác thông thả trả lời:

– *Về đến đây cũng là về đến nhà rồi. Tình hình và công việc thế này chưa cho phép nghĩ tới...*³

Tháng 4/1949, khi viết *Thư gửi ông Hoàng Phan Kính và Trần Lê Hữu*⁴ – xã Kim Liên, huyện Nam Đàn (Nghệ An), Người phân trần:

“Tôi chưa về thăm được, không phải vì vô tình với quê hương, nhưng vì lẽ này: Trong lúc giặc Pháp đang giày xéo trên đất nước ta, thì phận sự của mọi người Việt

¹ Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử* (2006), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 2, tr. 63

² GS. Song Thành (chủ biên) (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

³ Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử* (2006), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 3, tr. 361

⁴ Ông Hoàng Phan Kính và Trần Lê Hữu là cậu và dượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Nam là “Vì nước quên nhà, vì công quên tư”. Là một người đầy tớ chung của đồng bào, tôi càng phải như thế. Vì vậy, tôi chưa kịp viết thư hoặc về thăm”*⁵

Năm 1957, lần đầu tiên Bác trở về ngôi làng thời thơ ấu, quê cha đất tổ ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Tại đây, những kí ức xưa ulla về trong niềm xúc động, Người nhớ tất cả những gì ở quê ngày trước: hàng râm bụt, những con ngõ nhỏ, chiếc võng bện bằng sợi đay, án thư đọc sách, vách tranh treo đèn đĩa thắp bằng dầu thực vật,... Bác còn nói: người ta đi xa lâu ngày thì mừng mừng tủi tủi còn Bác thì mừng chứ không tủi, vì khi ra đi nước nhà còn nô lệ, bây giờ về nước nhà đã được độc lập, tự do. Trong niềm xúc động khi trở lại quê hương, Bác đọc hai câu thơ:

Quê hương nghĩa nặng tình cao

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

Có thể nói, Bác là người chí tình chí hiếu với quê hương. Bác không về làng nhưng Bác luôn nhớ làng. Quê hương Bác bây giờ không chỉ là một ngôi làng nhỏ bé mà là cả nước, Bác lo cho nước là lo cho làng, lo cho nước chính là giành và giữ lấy quê hương đất nước, mảnh đất mà cha ông đã tốn bao công sức và xương máu để xây dựng.

Thương cảm những người nước ngoài lưu lạc ở Việt Nam

Từ tâm trạng của chính bản thân mình nửa cuộc đời rời xa quê hương, Người thương cảm những người vì một lí do nào đó cũng đang phải lưu lạc, xa rời quê cha đất tổ. Nhưng Bác rời xa quê hương là vì tự nguyện hi sinh, chấp nhận gian khổ cho Tổ quốc, còn những người lính, những người thợ, những người bị ép buộc vào cuộc chiến tranh phi nghĩa tại Việt Nam thì sao?

1. Khoảng cuối năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*. Ở tiêu mục: *Đây là văn minh*, Người viết về tâm trạng của của đại đa số quân lính Pháp khi tham gia chiến trận tại Việt Nam: “*Trong những lá thư từ ta bắt được của Pháp, phần nhiều là nhớ vợ, nhớ nhà, muốn về, than phiền vì cực khổ*”⁶. Họ cũng là con người có tình cảm yêu thương, cũng có quê hương, vì vậy họ cũng mong ngóng được trở về chứ không ai muốn bị chết nơi chiến trận, chết ở nơi không phải trên quê hương mà họ đã được sinh ra.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 65

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 5, tr. 447

Còn những người vợ, người mẹ có chồng, có con tham gia chiến trận nơi đất khách quê người cũng ngày ngày mong chờ chồng, con họ quay về lành mạnh, nguyên vẹn bên gia đình, người thân. Họ cũng lên án gay gắt chế độ thực dân đã đẩy chồng con họ vào lò lửa chiến tranh.

2. Tháng 4/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đại diện Trung ương Đảng Cộng sản Pháp Léo Figuières. Trong câu chuyện, Người nói: *“Chúng tôi rất hiểu nỗi đau khổ của các bà mẹ, các gia đình người Pháp có con em bị bắt làm tù binh”*⁷

3. Báo Nhân dân, số ra ngày 19/7/1951 đăng bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Dân Mỹ chống chiến tranh*. Qua bài báo này, Bác trích những câu nói đăng trên báo *Công nhân Mỹ* của những người phụ nữ Mỹ có con em tham gia chiến tranh Triều Tiên. Trong đó có đoạn: *“Một phụ nữ viết: Nếu để cho lũ tướng tá tếu kia đi đánh, thì chiến tranh sẽ không kéo dài và con em chúng ta sẽ được ở nhà”*⁸

Như vậy, không kể người ra đi mong ngày trở về mà kể cả người ở lại, người ở nhà cũng mong chờ những người ra đi sớm quay trở về bên gia đình của họ, bên bạn bè và những người thân thương. Tuy nhiên không phải ai ra đi cũng có ngày trở về, có người phải vùi thân lại nơi đất khách mãi mãi.

Tình cảm của Người dành cho những người ngoại quốc phải lưu lạc hoặc chết vô ích trên đất Việt Nam được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất: Người thương những người ngoại quốc đã bỏ mạng vô ích trên mảnh đất không phải là quê hương của họ

Chủ tịch Hồ Chí Minh không phê phán hoàn toàn người Pháp hay người Mỹ. Người lên án là lên án thực dân và đế quốc cướp bóc trắng trợn không chút tình người. Còn đối với nhân dân yêu hoà bình và kể cả những người lính tử tế, Người cũng thương mến họ. Vì vậy, Người thương cho họ khi phải chết vô ích trên mảnh đất xa lạ.

4. Trên báo *Cứu quốc*, số ra ngày 28/12/1948 đăng bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Điện gửi nhân dân Pháp nhân ngày 19/12/1948*. Bài viết nói về sự mất mát, tang tóc cho cả những người Pháp và người Việt Nam khi tham gia chiến trận. Người cho rằng, nếu thực dân Pháp không gây hấn thì *“những người cha, người mẹ Pháp – Việt đã không phải khóc cho bấy con gục ngã giữa tuổi xanh”*. Người cũng so sánh về hai

⁷ Hồ Chí Minh – *Biên niên tiểu sử* (2006), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 4, tr. 424

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 119

sự mất mát của cha mẹ Việt và cha mẹ Pháp và cho rằng sự mất mát đó hoàn toàn khác nhau. Khác nhau ở chỗ những người con ở Việt Nam thì “*hi sinh để bảo vệ tổ quốc*”, bảo vệ quê hương thân yêu. Còn con của những người cha, người mẹ Pháp thì lại “*hi sinh vô ích trên một mảnh đất xa lạ*”, chết trên mảnh đất không phải là quê cha đất tổ của họ chỉ để “*để bảo vệ những cuồng vọng làm ô nhục truyền thống nước Pháp kiêu hùng*”⁹

5. Ngày 14/11/1950, trên báo *Cứu quốc* đăng *Thư gửi các bà mẹ và vợ Pháp có con và chồng chết trận ở Việt Nam* của Bác. Người lên án cuộc chiến tranh cướp bóc, đầy tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam. Cuộc chiến đó đã khiến những người vợ Pháp mất chồng, người mẹ Pháp mất con và mặc dù những người chồng, người con của họ đã bỏ mình nơi chiến trường nhưng chỉ số ít các thi hài được đưa về quê hương, còn phần lớn phải vùi thân trên đất Việt Nam. Tuy vậy, mồ mả của họ vẫn không được ngủ yên khi mà trong các cuộc rút lui, bọn chỉ huy Pháp đã không ngần ngại san phẳng để che giấu sau những thất bại. Trong tình cảnh đó, Người hứa với các bà, các mẹ Pháp: “*Còn những nắm mồ nào thoát khỏi hành vi tàn bạo ấy, chúng tôi tự coi có bổn phận thiêng liêng phải giữ gìn nguyên vẹn để sau này, khi chiến tranh chấm dứt, các bà có thể mang hài cốt của chồng con mình về quê cha đất tổ*”¹⁰

6. Nhân dịp năm mới, Bác viết *Thư gửi nhân dân Mỹ*, đăng trên báo *Nhân dân* ngày 24/12/1966. Người lên án hành động ngang ngược của Mỹ khi gây tội ác chiến tranh tại Việt Nam: “*...cũng vì cuộc chiến tranh tội ác do Chính phủ Mỹ gây ra, mà hàng chục vạn thanh niên Mỹ bị bắt đi lính, xa lìa quê hương, chết một cách vô ích ở chiến trường Việt Nam. Hàng chục vạn gia đình Mỹ cha mẹ mất con, vợ mất chồng*”¹¹

Theo Người, họ cũng bằng xương bằng thịt, cũng có cha mẹ, có quê hương để về. Thế nhưng họ lại phải nằm xuống trên một mảnh đất xa lạ, vì vậy những nắm mồ của họ sẽ được quan tâm bảo vệ nguyên vẹn để chờ ngày hoà bình trở về quê hương. Không phải Người lên án những người lính mà là lên án hành động ngoan cố, ngang ngược, hiếu chiến của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chỉ vì lợi ích của một số ít người mà lại đẩy hàng triệu thanh niên đi vào chỗ chết, đẩy hàng triệu người vợ, người cha,

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 5, tr. 655

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 469

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, t. 15, tr. 221

người mẹ mất chồng, mất con và cũng không ít người đã mãi mãi không được trở về nhìn lại quê hương.

Thứ hai: Người luôn quan tâm đến những người phải rời quê hương họ chỉ vì tham vọng của đế quốc

Người cũng luôn tạo điều kiện cho những người lính, người thợ, tù binh, hàng binh,... những người đã nhận ra lẽ phải được trở về quê hương đoàn tụ bên gia đình, bên những người thân của họ.

1. Câu chuyện *Một ngày Tết của Bác* có đoạn Người nói chuyện với công nhân Âu Phi – những người trước đây từng là lính đánh thuê cho đế quốc Pháp, nhưng họ đã nhận ra lẽ phải và chạy sang hàng ngũ của nhân dân Việt Nam. Người nói: “*Trong chiến đấu các bạn đã cùng nhân dân Việt Nam chung một chiến hào. Nay trong hoà bình lại cùng nhau lao động, đó là điều đáng quý. Chúng ta còn nhiều khó khăn, song Nhà nước và nhân dân Việt Nam cũng rất lưu ý tới các bạn. Rồi đây khi có điều kiện, nhân dân Việt Nam sẽ tìm mọi cách giúp các bạn thực hiện nguyện vọng trở về đất nước quê hương của mình...*”¹²

2. Theo đề nghị của các tổ chức nhân dân ở Pháp, tháng 9/1950, nhân kỉ niệm ngày Việt Nam độc lập, Chính phủ Việt Nam quyết định tạo điều kiện cho dân tị nạn về nước. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư gửi dân tị nạn hồi hương*. Trong niềm thương cảm cho hoàn cảnh của họ vì “*phải li tán gia đình, li tán quê hương*”¹³. Hiểu được hoàn cảnh như vậy nên trong thời gian họ sống tại Việt Nam, Người cũng hết sức tạo điều kiện để họ cảm thấy thoải mái nhất. Người căn dặn những người được hồi hương trước thì hãy nhớ những người còn ở lại và đồng thời những người còn ở lại cũng hãy yên tâm chờ đến lượt mình được trở về quê hương, về với gia đình.

3. Trong tháng 12/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: *Thư gửi các tù binh và hàng binh Âu Phi nhân dịp Noel*. Người lên án hành động ngoan cố của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ hòng kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược vô ích tại Việt Nam, khiến cho không ít những người Pháp phải sống *trong cảnh xa gia đình, xa quê hương*. Đặc biệt, trong những dịp lễ Giáng sinh đáng lẽ họ được đoàn tụ bên gia đình, người thân thì lại phải

¹² Đinh Văn Thiên, *Hồ Chí Minh một nhân cách vĩ đại* (2009), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 112

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 444

chiến đấu nơi chiến trường khắc nghiệt. Bác cũng tin rằng trong dịp lễ này, họ và gia đình đang cùng cầu nguyện cho hoà bình trở lại để *được trả về xứ sở, xây dựng lại cuộc đời*¹⁴.

4. Đầu năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư gửi hàng binh Âu Phi trước khi hồi hương*. Bằng tấm lòng ân cần, Người thăm hỏi họ có “*bằng lòng vì được trở lại quê hương, với cha mẹ, vợ con và những người thân*” của họ không? Người còn căn dặn “*trước khi lên đường, không được quên các bạn cũ trong đội quân viễn chinh không bao giờ được nhìn lại đất nước và gia đình*”, đó là những người đã phải vùi thân nơi chiến trường Việt Nam vì những tham vọng bất chính của thực dân Pháp.

Ngoài ra, Người còn gửi “*lời chào của nhân dân Việt Nam đến gia đình các bạn*” cùng những cái hôn thăm thiết đến “*những người có cha mẹ già và con nhỏ*”. Cùng với tình thương vô bờ bến của mình, Bác xúc động, thương mến gọi họ, các hàng binh Âu Phi, là “*các con của tôi!*”¹⁵

5. Ngày 14/7/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư gửi ông tổng thư kí hội những người hồi hương từ Đông Dương*. Trong thư, Người nhấn mạnh:

“*Vấn đề hồi hương từ binh Pháp, châu Phi luôn được Chính phủ chúng tôi dự kiến thuận lợi. Chúng tôi làm hết sức mình để những người con của công nhân và nông dân, cũng là nạn nhân của bọn gây chiến tranh đế quốc, được trở về với gia đình. Chúng tôi thực hiện điều đó mỗi khi điều kiện an ninh về quân sự và tổ chức vật chất cho phép*”¹⁶

Thương cảm những người Việt Nam lưu lạc quê hương

**** Ở trong nước:***

Sau khi hiệp định Genevơ được kí kết, Ngô Đình Diệm ra sức dụ dỗ, lừa bịp, ép buộc nhân dân ta bỏ nhà cửa di cư vào miền Nam. Trong hoàn cảnh đó, trên báo *Nhân dân*, số ra từ ngày 10 đến ngày 12/8/1954, Bác viết bài *Quê đâu cho bằng quê nhà, nhà ta ta ở, việc ta ta làm*. Bài viết đề cập đến việc nhiều người bị lừa bịp nhưng trong đó có hàng ngàn người kịp quay về quê hương, an cư lạc nghiệp. Người khuyên nhủ:

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 516

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 6-7

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 117

“Những người đang bị chúng mê hoặc, cần phải suy nghĩ lại cho kĩ, kéo một khi đã lọt vào cạm bẫy của chúng, thì sẽ:

*Trông về trời bể mệnh mang,
Bà con đã cách, xóm làng đã xa,
Lưu ly không cửa không nhà,
Chân trời góc bể, biết là về đâu!”¹⁷*

** Ở nước ngoài:*

Người rất quan tâm đến đời sống của kiều bào, những người con của dân tộc phải sống xa quê hương, xa tổ quốc. Người cho rằng dù họ có sống ở nơi xa đất nước nhưng họ vẫn là con Hồng cháu Lạc và đều luôn hướng về đất nước.

Báo Nhân dân, số ra ngày 15/8/1955 đăng bài viết *Kiều bào yêu nước* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

*Gửi thân đất khách quê người,
Nhìn về cố quốc cách vời trùng dương
Càng nhìn càng nhớ, càng thương,
Càng mong Tổ quốc thịnh cường vẻ vang¹⁸*

Ngày 8/1/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về việc *Kiều bào ta ở Thái Lan luôn luôn hướng về Tổ quốc*, về quê hương và mong muốn được trở về đoàn tụ cùng quê cha đất tổ. Bài nói được đăng trên báo Nhân dân, số 2123, trong đó có đoạn:

“Nói tóm lại: Kiều bào ta ở Thái Lan là:

*Mình tuy nương náu đất người,
Nhưng lòng yêu nước không nguôi bao giờ!*

Kiều bào ta ai cũng nghĩ rằng:

*Bấy lâu xa cách nước nhà,
Nay về quê cũ thế là về vang!*

Chúng ta thì nhiệt liệt hoan nghênh kiều bào về nước, vì:

*Bao năm ngày đợi đêm trông,
Nay mai sẽ được thoả lòng nhớ nhung!”¹⁹*

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 9, tr. 21

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 10, tr. 77

¹⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 12, tr. 423; 424

Tình cảm của Bác đối với những người Việt Nam lưu lạc xa quê cha đất tổ thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, Bác thương những người bị buộc phải buộc rời xa quê cha đất tổ

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp, số ra ngày 28/9/1927, đăng bài viết của Nguyễn Ái Quốc *Những tội ác kinh khủng của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương*. Trong bài viết, Người cho rằng, phần lớn ai đi xa cũng mong muốn có ngày được trở về quê hương. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đất nước ta, dưới sự “khai hoá” của thực dân Pháp, có những người phải rời xa quê hương mà không biết có ngày trở về, đó là những người đi phu ở các đồn điền nước ngoài của thực dân Pháp, “*họ bị giết hại bởi sự ngược đãi của chủ đồn điền không kém gì các bệnh tật của vùng nhiệt đới, phần lớn những “người cam kết ra đi” không bao giờ còn thấy đất nước và gia đình mình nữa*”²⁰.

Báo *Cứu quốc*, số 131, ngày 2/1/1946 đăng bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh *Thư chúc tết Việt kiều ở Lào, Xiêm*. Trong thư Người bày tỏ lòng thương nhớ đối với đồng bào là những người đang sống nơi đất khách quê người nhưng lòng vẫn yêu mến quê hương. Tình thương nhớ đó được thể hiện “*như bố mẹ thương nhớ những người con đi vắng. Đó là nhân tâm thiên lí, đó là tình nghĩa một nhà như thế*”²¹

Báo *Nhân dân*, số ra ngày 24/12/1955, đăng bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp lễ Noel: *Thư gửi đồng bào công giáo*. Trong thư Người bày tỏ sự thương cảm những người con lưu li đã bị ép buộc, dụ dỗ vào miền Nam:

“*Nhân dịp này, những đồng bào bị ép buộc dụ dỗ vào Nam càng tưởng nhớ quê hương đất Bắc, chúng ta càng thương xót những kẻ lưu li!*”

Người cũng khẳng định: “*Nước ta phải thống nhất. Nam Bắc là một nhà. Không thể để ai chia cắt tổ quốc ta, chia rẽ gia đình ta*”²²

Thứ hai, những người rời xa quê hương cần phải yêu thương nhau

Báo *Thanh niên*, số 71, ngày 28/11/1926, đăng bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài *Người An Nam ở Xiêm*²³. Qua đó, Người bày tỏ sự thương cảm cho số phận của người An Nam mất nước phải *lưu li thất sở, tan cửa tan nhà, phải bỏ quê cha đất tổ, dạt ra đất khách quê người*. Người cho rằng trong tình cảnh đó người An Nam

²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 2, tr. 266

²¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 4, tr. 161

²² Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 10, tr. 226

²³ Năm 1938, nước Xiêm đổi tên thành Thái Lan

cần phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau ... Người cũng phê phán mạnh mẽ hành động của một số người An Nam: *nào lương giáo giết nhau, lợi hại tranh nhau, lừa đảo nhau, chém giết nhau đến nỗi đem nhau đi kiện cáo ...*”²⁴ và cho rằng đó là hành động dã man. Chính hành động xấu xa đó khiến cho họ bị khinh rẻ, bị sỉ nhục ...

Thứ ba, Bác vui mừng vì những người con lưu lạc xa quê nay đã trở về

Ngày 10/01/1960, cảm động khi thấy cảnh kiều bào ở Thái Lan sung sướng trở về nước. Bác viết: *“Đã bao năm, kiều bào ta ở đất khách quê người, luôn luôn hướng về Tổ quốc. Ngày nay, kiều bào đã sung sướng trở về xứ sở. Đảng và Chính phủ tin chắc rằng kiều bào sẽ vui vẻ cùng đồng bào cả miền Bắc đồng cam cộng khổ, vượt mọi khó khăn, hăng hái thi đua, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, vui tươi, xây dựng chủ nghĩa xã hội”*²⁵

Có thể thấy từ những trải nghiệm qua nửa cuộc đời sống xa quê hương, xa quê cha đất tổ, Bác đã thấu hiểu hoàn cảnh của những người lưu li đất khách quê người. Hiểu được hoàn cảnh của họ, Bác thương cảm và đưa ra những chính sách phù hợp, có tình có nghĩa với họ: với nhân dân trong nước li tán, Người quan tâm hết mực đến họ, bảo ban, động viên họ, vui mừng khi thấy họ quay về với quê hương; đối với những người lính chết trận thì cố gắng cho giữ gìn mồ mả của họ để khi hoà bình tạo điều kiện đưa hài cốt về quê hương; với những người đã nhận ra lẽ phải và quay về với chính nghĩa thì được cho hồi hương; Người cũng luôn tin tưởng một ngày Nam – Bắc thống nhất một nhà để đồng bào được sum họp.

1.2. “Tổ tiên” trong lòng người thanh niên xa Tổ quốc

Giai đoạn trước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài, tìm kiếm con đường cứu nước. Ở bên kia trời Tổ quốc, người thanh niên yêu nước vẫn luôn nhớ về cội nguồn của mình và mong ngày về cứu dân cứu nước. Người luôn dõi trông tin tức quê nhà. Năm 1922, được tin vua Khải Định sang Pháp, biết rõ động cơ của vị vua bù nhìn, Nguyễn Ái Quốc tìm cách vạch mặt và tố cáo Khải Định trước công luận. Người đã mượn *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (Tên một bài báo do Bác viết) để phê phán thái độ phản bội tổ tiên của Khải Định.

²⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 2, tr. 518-519

²⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 12, tr. 425

Bối cảnh của *Lời than vãn* diễn ra vào lúc ban đêm, “thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng” (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, tr. 95) lúc vua Khải Định trước khi đi Paris, đã nằm mơ thấy bà Trưng Trắc hiện ra với vẻ giận dữ, nhắc nhà vua nhớ lại lịch sử vẻ vang của dân tộc với nhiều tấm gương anh hùng:

Trong bóng đêm, Bà Trưng Trắc hiện ra nói (với Khải Định):

“Vua muốn xứng đáng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chịu sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy (...)”

Bà Trưng Trắc nghiêm khắc phán xét tội phản bội tổ tiên của Khải Định và đề cao những tấm gương hi sinh của các đấng quân vương:

“Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kẻ tục ngai vàng của các vị nay sống trong uơon hèn”.

Bà không ngần ngại vạch mặt vua Khải Định đang sang Pháp để “ca ngợi công đức của những đấng bóc lột và hiếp đáp dân”, làm một việc trái với luân thường đạo lý của Tổ tiên:

“Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vải hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tỏi, ón mùi thây ma (...). Nay mi lại sắp lẩn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mở hương án dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vãn hay, con ạ! rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ! nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó mà thôi trước mắt thần dân”.

Khi *Lời than vãn* kết thúc, tác giả viết:

(Vua Khải Định) *“Mồ hôi nhóp nhép đầm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lười ngái lú lại vì sợ”* (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, tr. 100).

Mượn *Lời than vãn* của bà Trưng Trắc để viết những lời phê phán thái độ phản bội tổ tiên của Khải Định, là một sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc.

1.3. “Tổ tiên” trong trái tim người trở về Tổ quốc

Tháng 1/1941, sau 30 năm bôn ba khắp thế giới để tìm và chuẩn bị cho con đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước. Giây phút đầu tiên đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc xiết bao xúc động. Sau này Bác kể lại: *“Bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động”*

Kìa, bóng Bác đang hôn lên hòn đất

(Người đi tìm hình của nước, Chế Lan Viên)

Nguyễn Ái Quốc viết *Địa dư nước ta* (tháng 2/1942), cuốn sách địa lí đầu tiên của nước Việt được viết theo lối diễn ca, với thể thơ lục bát. Tác phẩm mở đầu bằng hai câu:

Dân ta phải biết nước ta,

Một là yêu nước, hai là trí tri.

Địa dư nước ta giúp hình dung cương vực đất nước, từ đó mới có lịch sử đất nước.

Ngày 1/2/1942, Nguyễn Ái Quốc viết *Nên học sử ta*, Người chính thức đặt vấn đề giáo dục lịch sử nước nhà cho mọi công dân nước Việt:

“Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời”

Trong tác phẩm thơ lục bát *Lịch sử nước ta* gồm 208 câu viết tháng 2/1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp tục đặt vấn đề giáo dục lịch sử nước nhà. Người mở đầu tác phẩm bằng hai câu giản dị nhưng chứa đựng chân lí hiển nhiên mà rất sâu sắc:

Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam

Với Hồ Chí Minh, nhớ lấy lịch sử nước nhà, nhớ lấy cội nguồn dân tộc là đạo làm người, đạo làm công dân chân chính trong một quốc gia có lịch sử, có văn hiến. Trước khi nói đến *Lịch sử nước ta*, hãy nói đến *Địa dư nước ta*. Nói về bờ cõi, cương vực là một cách xác nhận chủ quyền: *Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác* (Trần Nhân Tông, 1258–1308). Từ chủ quyền lãnh thổ của mình,

con người tồn tại, phát triển và làm nên lịch sử. Cách suy nghĩ này cho chúng ta thấy tầm nhìn uyên bác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Năm 1945, trong sự xúc động ngày Việt Nam giành lại Tổ quốc, Bác đã nói với những người thân cận: *“Chúng ta được như ngày hôm nay là nhờ phúc ăm của Tổ tiên...”*.

Cần phải xây dựng lại cơ đồ mà Tổ tiên đã để lại cho chúng ta. Đó là một câu trích trong *Thư gửi các em học sinh* nhân ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tháng 9/1945. Trong bức thư lịch sử đó có nhiều câu đã đi vào tâm hồn và trí nhớ của không biết bao nhiêu thế hệ học sinh Việt Nam:

“Từ giờ phút này trở đi, các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam”

“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn công học tập của các em”

Sau ba mươi năm bôn ba nước ngoài để tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã về nước. Người xác lập *Địa dư nước ta*, khuyên *Nên học sử ta*, nên hiểu *Lịch sử nước ta* và cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta.

1.4. “Tổ tiên” trong tâm trí người lãnh đạo vì dân vì nước

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 giành được chính quyền từ tay thực dân Pháp, tình hình đất nước vẫn đang còn gặp rất nhiều khó khăn. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Bác Hồ luôn kêu gọi toàn dân đoàn kết phấn đấu trong công cuộc kiến thiết đất nước và đấu tranh thống nhất nước nhà. Người nhiều lần nhắc đến Tổ tiên, như một cách vận động mọi người tiếp thêm sức mạnh cho sự nghiệp cao cả.

Tại kì họp thứ nhất Quốc hội khoá I (2/3/1946), trong lời tuyên bố khai mạc kì họp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không quên nhắc đến sự hi sinh, tranh đấu của tổ tiên:

“Cuộc Quốc dân đại biểu đại hội này là lần đầu tiên trong lịch sử của nước Việt Nam ta. Nó là một kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946, mà cuộc Tổng tuyển cử lại là kết quả của sự hi sinh, tranh đấu của tổ tiên, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già trẻ, lớn bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt

Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối hi sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”

Thay mặt Chính phủ kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Lời tuyên thệ nhậm chức*:

“Chúng tôi, Chính phủ kháng chiến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi cao cổ vắn đoàn và Ủy viên kháng chiến hội, trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, xin thề cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hòa Việt Nam, mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn dù phải hi sinh tính mệnh cũng không từ”

Ngày 2/9/1946, tại Paris, Hồ Chí Minh cùng với đông đảo kiều bào Việt Nam tổ chức lễ kỉ niệm Quốc khánh đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà. Trong diễn văn lễ kỉ niệm, Người tỏ lòng thành kính hướng về Tổ quốc: *“Trong ngày lễ kỉ niệm này, ý nghĩ của tôi hướng về đất nước của tổ tiên, hướng về Tổ quốc xa xôi với tất cả tấm lòng tôn kính và yêu mến”*

Viết lời kêu gọi nhân dịp Tết Nguyên đán Đinh Hợi 1947, Người khuyên nhủ bà con chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kì. Lời kêu gọi có đoạn: *“Về mặt tinh thần, thì cha bảo con, vợ bảo chồng, anh bảo em, phải nhớ đến giang sơn gấm vóc của Tổ quốc, phải nhớ đến lịch sử vẻ vang của Tổ tiên, phải nghĩ đến vận mệnh tương lai của con cháu, thà chết thì chết, quyết không chịu làm nô lệ cho thực dân Pháp”*

Người hết lời khen ngợi các “chiến sĩ cảm tử quân thủ đô”: *“Các em là đội cảm tử, các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau”*

Người Việt vốn xem trọng đời sống tâm linh, khi đã thề trước bàn thờ của Tổ quốc, mỗi người tự có trách nhiệm thực hiện đúng lời thề. Là một người Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng có niềm tin đó, khi dặn dò Cố vấn Vĩnh Thụy: *“Cố vấn Vĩnh Thụy luôn luôn nhớ rằng hành động của người phải hợp với chính sách của Chính phủ và nhân*

dân. Và Chính phủ cùng nhân dân ta luôn luôn nhớ và tin nơi lòng trung thành mà Cố vấn Vĩnh Thụy đã thể trước bàn thờ Tổ quốc và trước mặt nhân dân”

Lúc nào Hồ Chí Minh cũng tự tin về truyền thống bất khuất của dân tộc, Người viết: *“Chúng ta trẻ trung nhưng chúng ta là những người thừa tự cái truyền thống oanh liệt, quật cường và một cơ đồ gấm vóc của mấy ngàn năm Tổ tiên ta để lại”* (Báo Cứu quốc, ngày 01/06/1948). Và để báo đáp lòng yêu mến và tin tưởng của đồng bào, Người hứa *“Quyết cùng đồng bào ra sức làm thế nào cho con cháu chúng ta bây giờ và muôn đời về sau được sung sướng và tự do”*.

Nhân dịp đầu năm mới (1/1952), Người viết tác phẩm *Bọn đế quốc cướp nước không bao giờ có thể nô dịch dân tộc Việt Nam anh dũng*. Tác phẩm đề cập đến phong tục truyền thống của người Việt Nam: Mỗi năm có hai ngày Tết. Một là Tết theo dương lịch – ngày 1 tháng Giêng, ... còn một Tết thứ hai tính theo âm lịch... Đó là ngày Tết theo tục lệ cổ truyền của nhân dân, ở thời bình thì thường kéo dài từ 3 đến 7 ngày. Trong những ngày này, gia đình nào cũng nấu nướng sửa soạn những thức ăn ngon nhất. Người ta ***làm lễ trước bàn thờ tổ tiên***...

Trong bài *Tình đoàn kết quân dân ngày thêm bền chặt* (3/3/1952), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại: *“Theo phong tục ta, ngày Tết là một ngày rất quan trọng. **Trên thì cúng bái Tổ tiên**, dưới thì sum họp gia đình. Vì vậy, dù đi xa hay công việc cấp bách thế nào, đồng bào cũng tìm về nhà ăn Tết”*

Trong *Thư chúc Tết đồng bào trong vùng tạm bị địch chiếm*, viết trên báo *Cứu quốc*, chi nhánh số 6, ngày 2/2/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến phong tục tập quán của các gia đình Việt Nam trong những dịp lễ Tết, đặc biệt là Tết Nguyên đán đại gia đình Việt Nam cùng sum họp vui vầy, để tưởng nhớ đến tổ tiên và hân hoan cùng con cháu²⁶

1.5. “Tổ tiên” chung của cả một dân tộc

Đã hai lần Hồ Chí Minh về thăm đền Hùng (ngày 19/9/1954 và 19/8/1962), hai lần Hồ Chí Minh đã thay mặt đồng bào kính cáo, tạ ơn tổ tiên và cầu mong tổ tiên phù hộ cho toàn thể nhân dân có đủ sức mạnh để *giữ lấy nước*. Đó là *nước Việt Nam, một*

²⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 27

nước có chung một nòi giống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Bác Hồ nhiều lần lặp đi lặp lại vấn đề này.

Trong điện gửi ông M. Hêtorich năm 1946, Bác viết: *“Lí tưởng của Việt Nam trước hết là sự thống nhất của Việt Nam, sự thống nhất của ba xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ mà dân chúng ở đây đều cùng chung một nòi giống và nói chung một thứ tiếng”*. (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, tr. 356). Trong lời tuyên bố với quốc dân, Bác khẳng định: *“Trung, Nam, Bắc đều là đất nước Việt Nam. Chúng ta đều chung một tổ tiên, dòng họ, đều là ruột thịt anh em”*.

Kết luận chương 1

Bác Hồ là một biểu tượng cho cả dân tộc Việt Nam luôn hướng về nguồn cội, tổ tiên.

Người luôn khẳng định cội nguồn dân tộc, tôn vinh các bậc tiền bối đã khai sinh ra giống nòi, các anh hùng liệt sĩ đã làm rạng danh quốc gia dân tộc.

1. Khẳng định và tôn vinh Hồng Bàng là Quốc Tổ nước ta, dân tộc ta thuộc dòng dõi con Rồng cháu Tiên

Khi viết quyển *Lịch sử nước ta* năm 1942, Hồ Chí Minh đã ghi những dòng trân trọng:

*Hồng Bàng là tổ nước ta,
Nước ta lúc ấy tên là Văn Lang.*

Vừa khẳng định vừa tôn vinh *Hồng Bàng là tổ nước ta*, Bác Hồ muốn các thế hệ con cháu mai sau ghi nhớ sâu sắc cội nguồn dân tộc của mình: *“Sử ta dạy cho ta những chuyện vẻ vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời”*.

Khẳng định và tôn vinh *Hồng Bàng là Tổ nước ta, dân tộc ta thuộc dòng dõi con Rồng cháu Tiên* là xuất phát từ truyền thống lịch sử dân tộc, hoàn toàn không phải do ý muốn chủ quan của Bác.

2. Khẳng định Việt Bắc là gốc tích tổ tiên Hùng Vương ta dựng nước

Ngay ở đoạn đầu của tiểu mục *Con Rồng cháu Tiên* trong tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*, Bác Hồ khẳng định: *“Việt Bắc là gốc tích tổ tiên Hùng Vương ta dựng nước. Là nền tảng chống ngoại xâm của ông cha ta, như Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nùng Trí Cao. Là căn cứ chống Pháp của tiên liệt ta như cụ Hoàng Hoa Thám. Là căn cứ địa*

của cuộc dân tộc giải phóng chống Pháp, chống Nhật. Là quê hương của giải phóng quân, anh cả của Vệ quốc quân”.

3. Khẳng định đất nước Việt Nam là sự thống nhất của ba miền, dân tộc Việt Nam có chung một nòi giống và nói chung một thứ tiếng

Từ rất sớm, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Bác Hồ đã nêu lên chân lí hiển nhiên này: “...*nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy...*”

Một dân tộc có chung một nòi giống, chung một thứ tiếng, khi bị chia cắt, bị xâm lược thì việc đấu tranh để thống nhất đất nước ắt trở thành nguyện vọng thiêng liêng của cả dân tộc.

4. Khẳng định Tổ quốc là Tổ quốc chung, nếu mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ

Đó là lời khẳng định của Người trong văn kiện nhan đề *Hỏi và trả lời* ngày 23/12/1946: “Tổ quốc là Tổ quốc chung. Tổ quốc độc lập thì ai cũng được tự do. Nếu mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ”.

Bác khẳng định:

Dân ta phải giữ nước ta,

Dân là con nước, nước là mẹ chung

Tổ quốc là Tổ quốc chung, mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ, những điều này đã trở thành chân lí hiển nhiên.

5. Bác nhắc nhở: Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

Đó là lời nhắc nhở thiêng liêng trước khi đại đoàn quân tiên phong vào tiếp quản thủ đô tháng 10/1954.

Bác Hồ nhiều lần nhắc đến Tổ tiên, vậy Tổ tiên là ai? Là những tiền bối anh hùng có công chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, là những con người cụ thể của lịch sử, không phải do hư cấu hay do tưởng tượng: “Ta thử xem kinh nghiệm lúc xưa, tổ tiên ta, đức Lê Lợi, Hưng Đạo trong cuộc chiến đấu nhiều trận thắng, cũng nhiều trận bại, nhưng rồi ta vẫn thắng, vì kiên gan và có sức đoàn kết” Người đã dùng cách gọi tôn kính “Đức Lê Lợi, Hưng Đạo ...” và coi các vị hào kiệt ấy là tổ tiên của dân tộc mình.

Một lần khác, Bác nói: “Xưa, nhờ sự kêu gọi của phụ lão, sự cố gắng của thân hào, lòng nhiệt thành của quốc dân, mà tổ tiên ta: Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Nguyễn Quang Trung đã dẹp nạn ngoại xâm, giữ vững đất nước”. Theo dòng lịch sử của dân tộc, tổ tiên ta luôn nêu cao ý chí độc lập tự cường, sẵn sàng hi sinh chiến đấu để bảo vệ giống nòi, giữ vững biên cương Tổ quốc. Trong mỗi thời kì lịch sử đều xuất hiện những nhân vật anh hùng, họ chính là người đại diện cho tổ tiên ta, là thành phần của tổ tiên ta, luôn có mặt để cùng cả nước chiến đấu giữ yên bờ cõi. Tổ tiên ta không phải là những người vô danh, trù tượng, chung chung, mà là những con người cụ thể, có tên tuổi, có sự nghiệp hiển hách xứng đáng được tôn vinh và thờ cúng, ngưỡng vọng.

6. Bác Hồ đề cao các anh hùng liệt sĩ đã làm rạng danh quốc gia dân tộc

Bác Hồ đã từng nhiều lần đề cao các anh hùng liệt sĩ đã làm rạng danh quốc gia dân tộc, chẳng hạn, trong bài *Người cán bộ cách mạng* (3/3/1955), Người viết: “Sự hi sinh cao cả của các tiên liệt đã soi đường cho đồng bào ta đoàn kết đấu tranh, thành một lực lượng tất thắng”.

7. Bác Hồ phê phán những hành động “công rắn cắn gà nhà”, tố cáo những kẻ phản bội Tổ quốc

Đó là những kẻ đã vì lợi ích con con của bản thân mà quên đi Tổ tiên, nòi giống; bất cứ ở đâu, thời nào cũng bị nhân dân lên án.

8. Thờ cúng tổ tiên là đạo lí của dân tộc

Đối với người dân Việt Nam, việc thờ cúng tổ tiên đã có từ lâu đời với quan niệm dân tộc là một, cùng một gốc, một cội, cùng một tổ tiên, ông bà. Việc thờ cúng tổ tiên không chỉ là nét đẹp văn hoá mà còn là thuần phong mỹ tục, là phong tục ngàn đời của bao thế hệ dân tộc Việt Nam, thể hiện đạo lí của dân tộc, đạo làm người của mỗi người con đất Việt. Dù có đi đâu, làm gì thì những ngày lễ, ngày giỗ tổ, ngày giỗ chạp, ngày tết, ... cũng phải quây quần quanh bàn thờ, hoặc tưởng nhớ về tổ tiên, về cội nguồn dân tộc.

9. Khẳng định dân tộc Việt Nam cùng chung giống nòi và việc bảo vệ giống nòi còn bao hàm xây dựng và phát triển nòi giống về mặt chất

Xét ở bản chất sâu xa của vấn đề, đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng chính là để bảo vệ nòi giống tránh khỏi họa diệt vong và giữ gìn non sông của tiên tổ để lại cho con cháu muôn đời. Trên hết, Người luôn thể hiện mong ước nước nhà được độc lập,

hoà bình để cho các thế hệ con cháu Việt Nam được yên vui, hạnh phúc và yên tâm xây dựng nước nhà.